

ĐẶC ĐIỂM TÊN GỌI CÁC LOẠI RƯỢU TRUYỀN THỐNG CỦA NGƯỜI TRUNG QUỐC

ON THE NAMING FEATURES OF CHINESE TRADITIONAL WINES

NGÔ MINH NGUYỆT

(TS; Đại học Ngoại ngữ, ĐHQG Hà Nội)

PHẠM THỊ THANH VÂN

(ThS; Đại học Bách Khoa Hà Nội)

Abstract: The diversity in the way of selecting nomination features as well as cultural implication behind the selected features to nominate makes the style of naming Chinese wine. These names have reflected the first important elements when mentioning to Chinese wine such as origin, material, cooking recipe, etc. Besides, the wish for a better life as well as the bond between wine and elegant pleasure are deeply expressed.

Key words: Name; wine; nomination; Chinese.

1. Đặt vấn đề

Thường thức rượu từ lâu đã là một phần không thể tách rời trong sinh hoạt văn hóa, lễ hội và giao tiếp của người người Trung Quốc. Rượu là một nét văn hóa mang đậm bản sắc của từng dân tộc, gắn với lễ nghi, phong tục, tập quán của người Trung Quốc.

Với tư cách là hình ảnh thu nhỏ của văn hóa rượu Trung Quốc, tên gọi các loại rượu đã thể hiện phương thức tư duy, tâm lý văn hóa cũng như những tính túy trong nghệ thuật ẩm thực của người Trung Quốc. Trên cơ sở khảo sát 249 tên gọi các loại rượu truyền thống của Trung Quốc (nguồn ngữ liệu được lấy từ từ điển, báo chí, bài viết trên trang web về rượu của Trung Quốc), bài viết này sẽ tìm hiểu đặc điểm cấu trúc tên gọi các loại rượu của Trung Quốc và các đặc trưng văn hóa dân tộc có liên quan. Bài viết giới hạn phạm vi khảo sát là tên gọi các loại rượu trắng truyền thống của người Trung Quốc.

2. Đặc điểm cấu trúc định danh các loại rượu của Trung Quốc

Trong tiếng Hán, 酒 *nữu* là từ thuần Hán. Xét về mặt văn tự, 酒 *nữu* là một chữ hội ý, bao gồm bộ 酉 *thủy* chỉ chất lỏng và bộ 酉 *dậu* chỉ vật chứa rượu (vại hoặc chum). Như vậy, 酒 *nữu* trong tiếng Hán có nghĩa là chất lỏng lên men được đựng trong một vật chứa giống như vại hoặc chum. Ngay tên gọi chung này cũng phần nào thể hiện đặc trưng trong cách chế biến cũng như bảo quản, sử dụng các loại rượu của người Trung Quốc.

Trong số 249 tên gọi các loại rượu của Trung Quốc, có 170 tên gọi sử dụng tên chỉ loại 酒 *nữu*, chẳng hạn: 白酒 *bạch nữu*, 烧酒 *thieu nữu*, 老酒 *lão nữu*, 陈酒 *trần nữu*,... 79 tên gọi không sử dụng từ chỉ loại chung 酒 *nữu*, thường là các tên gọi với từ chỉ đặc trưng để nhận ra liên quan đến rượu như: tên thay thế tên gọi chung là 醇 *thuần* (vị êm dịu của rượu), tên gọi các loại men (ví dụ: 大曲 *đại khúc*, 小曲 *tiểu khúc*, 特曲 *đặc khúc*, 陈曲 *trần khúc*, 头曲 *đầu khúc*); từ ngữ liên quan đến phương thức nấu, ủ như 老窖 *lão giáo*, 白 *bạch*, đặc trưng trạng thái của rượu 液 *dịch* (chất lỏng), tên có xuất hiện từ 春 *xuân*, và các tên gọi khác như 醉大圣 *túy đại thánh*, 小糊涂仙 *tiểu hồ đồ tiên*. Tuy vậy, những tên gọi này hoàn toàn có thể thêm từ chỉ loại chung mà ý nghĩa không thay đổi. Việc có sử dụng hay không từ chỉ loại thường dựa vào sự hài hòa về âm tiết. Người Trung Quốc thường sử dụng tên gọi các loại rượu với 3 hoặc 4 âm tiết. Kết quả khảo sát cho thấy, tên gọi các loại rượu của Trung Quốc có mô hình cấu trúc chung là: *yếu tố khu biệt + yếu tố chỉ loại*. Có những loại rượu được định danh dựa vào một đặc trưng, có những loại lại được định danh dựa vào hai đặc trưng trở lên.

Các loại rượu định danh bằng một đặc trưng khu biệt, cụ thể như sau:

STT	Yếu tố khu biệt	Số lượng tên gọi	Ví dụ
1	Tên địa danh	48	绍兴酒 <i>Thiệu Hưng tửu</i>
2	Tên người, điển cố văn học	45	杜康酒 <i>Đỗ Khang tửu</i>
3	Lời nói may mắn	37	寿星酒 <i>thọ tinh tửu</i>
4	Tên gọi rồng, phượng	26	卧龙酒 <i>ngọc long tửu</i>
5	Nguyên liệu	18	米酒 <i>mễ tửu</i>
6	Từ liên quan đến hoàng tộc, quan phủ	6	太后酒 <i>thái hậu tửu</i>
7	Đặc tính	5	四特酒 <i>tứ đặc tửu</i>
8	Dụng cụ	4	金樽酒 <i>kim tôn tửu</i>
9	Kỹ thuật chế biến	3	二锅头酒 <i>nhị qua đầu tửu</i>
10	Mùi vị	1	稻花香酒 <i>đạo hoa hương tửu</i>
11	Tên dân tộc	1	土家酒 <i>thổ gia tửu</i>
Tổng		194	

Tên gọi các loại rượu được định danh bằng nhiều yếu tố khu biệt trong tiếng Hán cụ thể như sau:

STT	Yếu tố khu biệt	Số lượng tên gọi	Ví dụ
1	Địa điểm + từ liên quan đến men rượu	21	洋河/大曲 <i>Dương Hà đại khúc</i>
2	Địa điểm + 春 (xuân) (mùa xuân)	14	楼堂 / 春 <i>lầu đường xuân</i>
3	Địa danh + nơi nấu, ủ rượu	6	泸州/老窖 <i>Lư Châu lão giảo</i>
4	Địa điểm + màu sắc	5	坊子/白酒 <i>phương tử bạch tửu</i>
5	Địa điểm + nguyên liệu	5	明绿 <i>minh lục (rượu đồ xanh Minh Quang)</i>

6	Địa điểm + đẳng cấp rượu	2	莱州/宝酒 <i>Lai Châu bảo tửu</i>
7	Địa điểm + mục đích sử dụng	2	古井贡酒 <i>cổ tỉnh công tửu</i>
Tổng		55	

Từ số liệu thống kê nêu trên, có thể rút ra 3 nhận xét sau:

(1) Trong các đặc trưng liên quan đến rượu được lựa chọn để định danh các loại rượu truyền thống của Trung Quốc, đặc trưng được chú ý nhiều nhất là nguồn gốc xuất xứ hay địa danh sản xuất rượu. Đây là cách định danh chủ đạo của các loại rượu truyền thống Trung Quốc. Chúng ta có thể thấy rõ đặc trưng vùng miền nổi trội trong tên gọi các loại rượu Trung Quốc. Các địa danh được lựa chọn để đặt tên rượu trong tiếng Hán có tính chất rất đa dạng, bao gồm cả các địa danh lớn đến địa danh nhỏ, từ tên gọi xưa và nay của một thành phố, tỉnh, huyện, xã, thôn đến tên gọi tắt hoặc tên gọi khác của địa phương, hoặc cũng có thể là từ chỉ phương hướng. Những tên gọi này vừa thể hiện niềm tự hào về đặc sản vùng miền, lại vừa thể hiện lịch sử cũng như kỹ thuật chế biến rượu lâu đời của người Trung Quốc. Chẳng hạn tên các loại rượu: 茅台酒 *Mao Đài tửu*, 石花酒 *Thạch Hoa tửu*, 北方酒 *Bắc phương tửu*, ... Trong đó, phải kể đến

quốc tửu của Trung Quốc là 茅台酒 *Mao Đài tửu*. Rượu Mao Đài được sản xuất tại thị trấn Mao Đài, thành phố Nhân Hoài, tỉnh Quý Châu, Trung Quốc, được chưng cất bằng nước sông Xích Thủy chảy qua thị trấn Mao Đài. Nước con sông này chảy trong núi ra và trong vắt bốn mùa, nên rượu Mao Đài có đặc trưng về hương vị độc nhất vô nhị trên thế giới. Ngoài tên địa danh sản xuất ra, còn có tên sông, núi, hồ, suối, giếng, thắng cảnh... cũng được dùng để đặt tên các loại rượu của Trung Quốc, chẳng hạn: 景阳岗酒 *Cảnh Dương cương tửu*, 吕梁山酒 *Lữ Lương sơn tửu*, 黄鹤楼酒 *Hoàng Hạc lâu tửu*, 敦煌酒 *Đôn Hoàng tửu*, ... Đây là những địa điểm có nguồn nước tốt, phong cảnh đẹp, thích hợp để sản xuất hoặc thưởng thức rượu.

Trung Quốc. Trong quá trình chế biến rượu, lên men là khâu vô cùng quan trọng với vai trò nổi bật của 窖 *giáo* (hầm nấu rượu). Hầm rượu càng lâu đời, rượu làm ra càng có hương vị đậm đà, phẩm chất tốt. Hầm tốt sẽ cho rượu tốt. Do vậy, định danh bằng 窖 *giáo* (hầm) đã thể hiện chất lượng của rượu. Ngoài ra, rượu còn được nấu ở 坊 *phương* (phường rượu), cũng thể hiện sự thuần khiết và lâu đời của công nghệ nấu rượu. Chẳng hạn 水井坊 *thủy tinh phường* là tên di tích phường rượu lâu đời của vùng Tứ Xuyên, là di tích trọng điểm cần bảo vệ của Trung Quốc.

(3) Sự đa dạng trong việc lựa chọn đặc trưng định danh với cả những yếu tố trực tiếp thể hiện đặc trưng của rượu và những yếu tố gián tiếp thể hiện những mặt khác của đời sống xã hội cũng như ước vọng, quan điểm thẩm mỹ dân tộc. Chẳng hạn, đặt tên rượu bằng yếu tố 春 *xuân* (mùa xuân), hay bằng những lời nói may mắn như 福 *phúc*, 寿 *thọ*, 幸 *hạnh*, 喜 *hi*, 乐 *lạc* ..., hoặc đặt tên bằng từ chỉ tứ linh như rồng, phượng... Ngoài ra, nhiều loại rượu của Trung Quốc được đặt tên dựa vào các điển cổ văn học, đặc biệt là thơ ca. Chẳng hạn tên các loại rượu: 劝君酒 *khuyến quân tửu* (xuất xứ từ thơ Vương Duy), 杯莫停酒 *bồi mạc đình tửu* (nguồn gốc từ thơ Lý Bạch), 水济老窖 *Thủy Hử lão giáo* (từ truyện "Thủy hử"),... đã chứng tỏ sự gắn bó mật thiết giữa rượu và thơ ca. Điều này đã làm nên nét độc đáo trong hàm ý văn hóa trong tên gọi các loại rượu của người Trung Quốc.

3. Đặc trưng văn hóa dân tộc thể hiện qua tên gọi các loại rượu của Trung Quốc

3.1. Rượu trong mối liên hệ với lễ nghi, giao tiếp của người Trung Quốc

Rượu là minh chứng của lao động sáng tạo, lại vừa chứa đựng tinh túy mà đất trời đã ban tặng cho con người. Vì vậy, khi con người biết đến tổ tiên thì rượu đã trở thành lễ vật thể hiện sự thành tâm, kính cẩn nhất của người sống đối với người đã mất và thần linh. Có lẽ bởi quan niệm "phỉ tửu bất thành lễ" mà trong nhiều tên gọi rượu của Trung Quốc có từ 礼 *lễ*, như 杭州礼酒 *Hàng Châu lễ tửu*, 东方礼酒 *Đông Phương lễ tửu*,...

Trong những dịp cúng lễ, hiếu hỉ và đặc biệt là vào dịp Tết, rượu thường được nhắc đến, có khi trở thành quan trọng hàng đầu. Chẳng hạn, rượu (cùng với trà) là lễ vật bắt buộc dùng trong nghi thức cưới hỏi, tượng trưng cho lời thề nguyện, hẹn ước thủy chung của đôi trái gái đã "phải lòng nhau". Trong tiếng Hán, 喜酒 *hỉ tửu* (rượu hỉ) đã trở thành biểu tượng cho hôn lễ. Trong tiệc cưới, cô dâu và chú rể uống rượu giao bôi, gọi là 交杯酒 *giao bôi tửu*. Sau khi cưới ba ngày, cô dâu trở về nhà mẹ đẻ, nhà gái tổ chức tiệc rượu đãi khách gọi là 回门酒 *hồi môn tửu* (rượu lại mặt). Con cái đầy tháng thì có 满月酒 *mãn nguyệt tửu*, cha mẹ mừng thọ thì có 寿酒 *thọ tửu*, tết đến xuân về thì có 年酒 *niên tửu*... Có thể thấy rằng, rượu luôn gắn liền với các hoạt động tình cảm vui vầy, đặc biệt là những sự kiện lớn trong đời người.

Uống rượu là sở thích cá nhân, nhưng trước tiên đó là một sinh hoạt văn hóa, là phương tiện giao tiếp giữa người với người. Có khi uống rượu là để gặp gỡ, chia sẻ, trò chuyện, trao đổi thông tin với nhau, là một trong những biểu hiện của lòng hiếu khách. Vì vậy, người Trung Quốc có câu 酒逢知己千杯少 *tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiểu*,...

己千杯少 *tửu phùng tri kỷ thiên bôi thiểu*,...

Nhìn chung, rượu vừa là công cụ giao tiếp hiệu quả trong đời sống, lại vừa đóng vai trò là lễ vật không thể thiếu trong hàng loạt các hoạt động quan trọng của đời người.

3.2. Rượu và thú vui của con người

Rượu ra đời không phải để duy trì sự sống như các thức ăn, mà là để nâng cao chất lượng cuộc sống. Điều này thể hiện ngay ở thời gian, không gian cũng như những yếu tố phụ trợ khác khi thưởng thức rượu của người Trung Quốc.

Cũng giống như người Việt, trong truyền thống của người Trung Quốc, các thú vui chỉ diễn ra lúc nông nhàn khi công việc đồng áng không quá mức bận rộn, và điều kiện thời tiết, cũng như kinh tế đều khá thuận lợi để gặp gỡ, tụ tập, giao lưu. Có lẽ vì thế, trong tiếng Hán, hàng loạt các loại rượu được đặt tên bằng yếu tố 春 *xuân*. Từ thời xa xưa, trong các bài của "Thi Kinh" đã có những câu thơ rằng "十月获稻，为此春酒" *thập nguyệt hoạch đạo, vì thử xuân tửu* nói về việc người dân ủ rượu

vào mùa thu, mùa đông khi thu hoạch lúa xong, ủ rượu để uống vào mùa xuân. Đến đời Đường, người ta đã bắt đầu lấy 春 *xuân* để gọi tên thay cho 酒 *tửu*. Thơ của Đỗ Phủ có câu: “闻道云安曲来春, 才倾一盞即羸人” *văn đạo vân an khúc lai xuân, tài khuyên nhất trản tức luân nhân*. Nhìn chung, 春 *xuân* là mùa xuân, vạn vật sinh sôi nảy nở, đó cũng là lúc con người thỏa sức say sưa với thú vui của mình, quên đi những vất vả lo toan trong cuộc đời. Vì vậy, trong tiếng Hán, 春 *xuân* (biểu trưng cho mùa xuân và tuổi trẻ) là một mỹ từ dùng để gọi tên rượu, thể hiện niềm vui khi thưởng thức rượu ngon của người Trung Quốc.

Ngoài yếu tố thời gian ra, không gian thư thái và khung cảnh đẹp cũng là những yếu tố quan trọng khi thưởng thức rượu. Trong tiếng Hán, nhiều loại rượu được định danh bằng các yếu tố ngôn ngữ liên quan đến tiên hoặc tiên cảnh, như 七仙女酒 *thất tiên nữ tửu*, 醉八仙酒 *túy bát tiên tửu*, 小糊涂仙 *tiểu hồ đồ tiên*, 奔月酒 *bôn nguyệt tửu*,... Cũng không phải ngẫu nhiên mà người Trung Quốc có cách nói 酒后茶余 *tửu hậu trà dư*, 浪酒闲茶 *lãng tửu nhàn trà* để nói đến thời gian rảnh rỗi, nghỉ ngơi với những thú vui trà, rượu trong cảnh gió mát trăng trong.

Rõ ràng là thời điểm và cách thưởng thức đã quyết định tính chất biểu trưng của rượu. Đó là sự an nhàn, thư thái để thỏa sức vui thú. Đặc biệt, do tính chất kích thích mạnh, rượu chủ yếu dành riêng cho nam giới, thậm chí trở thành biểu tượng cho bản lĩnh đàn ông “*nam vô tửu như kê vô phong*”. Và cũng không biết tự bao giờ, thứ men say này luôn được nhắc tới cùng với “sắc”, trở thành hai thứ đứng đầu trong danh sách thú ăn chơi của đẳng mày râu. Trong tiếng Hán có từ ghép 酒色 *tửu sắc* được sử dụng rộng rãi trong ngôn ngữ hàng ngày. Ngoài ra, còn có hàng loạt các cách nói thể hiện sự gắn bó giữa tửu và sắc, như: 醇酒美人 *thuần tửu mỹ nhân* (rượu ngon gái đẹp), 花天酒地 *thiên hoa tửu địa* (chìm đắm trong tửu sắc),...

Ngoài “sắc” ra, rượu còn gắn liền với thơ văn. Người Trung Quốc xưa cho rằng, rượu có thể

khuyến người ta trở về với sự thuần khiết, chân thực, khơi gợi tài năng sáng tác của các nhà nghệ thuật. Để có được những áng thơ hay, tâm hồn con người phải thực sự trong sáng và tinh tế, thậm chí là thoát li những ràng buộc của cuộc sống. *Bầu rượu tài thơ* xưa kia đã gắn liền với chân dung của biết bao văn nhân mặc khách, *cầm kì thi tửu* được coi là thú vui tao nhã của những người thanh lịch. Và *Thơ ngâm ngoài lái, rượu bình thòai chí trong khoang* mãi mãi là kỉ ức về thú vui tao nhã của người xưa.

Trong tiếng Hán cũng có rất nhiều cách nói về sự gắn bó giữa rượu và thơ như: 诗酒朋侪 *thi tửu bằng sai* (rượu và thơ là bạn), 樽酒论文 *tôn tửu luận văn* (bình rượu bàn văn chương), 诗朋酒友 *thi bằng tửu hữu* (bạn rượu bạn thơ),... Thậm chí, không ít thương hiệu rượu nổi tiếng của Trung Quốc được định danh bằng các ý trong bài thơ bát hủ. Chẳng hạn loại rượu 劝君酒 *khuyến quân tửu* của Trung Quốc có nguồn gốc từ hai câu thơ trong bài thơ “Tống Nguyên Nhị Sứ An tây” của Vương Duy: 劝君更尽一杯酒 *khuyến quân cánh tận nhất bôi tửu*, 西出阳关无故人 *tây xuất dương quan vô cố nhân*. Hay loại rượu 杏村酒 *hạnh thôn tửu* được định danh dựa vào hai câu thơ trong bài thơ “Thanh minh” của Đỗ Mục: 借问酒家何处有 *tá vấn tửu gia hà xứ hữu*, 牧童遥指杏花村 *mục đồng dao chỉ hạnh hoa thôn*,...

Rượu đã tạo ra nguồn cảm hứng sáng tác bất tận cho các nhà thơ. Trong đó, không thể không kể đến Lý Bạch - thi tiên trong nền thơ ca cổ điển Trung Quốc, là nhà thơ *men say* với những tác phẩm lưu truyền vạn thế, trong đó có không ít tác phẩm viết về thơ và rượu. Điểm chung của các nhà thơ Trung Quốc nổi tiếng một thời là đều sống trong thời kì loạn lạc, họ thường mượn rượu giải sầu, để tránh tai ương, quên đi những bất mãn về chính trị. Đó là sự bất lực của văn nhân trong xã hội còn nhiều điều ngang trái. Vì thế, những văn nhân ngày đêm say xỉn đã không còn bị coi là phàm bại về đạo đức nữa, mà được gọi là những bậc phong lưu, hiểu sự đời. Họ mượn rượu để gửi gắm nỗi niềm tâm sự của mình. Rượu được coi là một thế giới thu nhỏ chứa tất cả sự đời, đáng coi

ngọt bùi, hi vọng ai ở đâu chất chứa trong chén rượu. Nỗi niềm chỉ có người uống rượu là hiểu được. Chẳng thế mà người Trung Quốc đã có câu 醉翁之意不在酒 *túy ông chi ý bất tại tửu* (ý người say không phải ở rượu), 酒不醉人人自醉 *tửu bất túy nhân nhân tự túy* (không say vì rượu, say vì người). Đó là lí do vì sao trong tiếng Hán có hàng loạt các loại rượu được đặt tên bằng tên những người mê rượu nổi tiếng trong lịch sử Trung Quốc, chẳng hạn: 太白醉 *Thái Bạch túy*, 诗仙醉 *thi tiên túy*,... khiến người thưởng thức tưởng nhớ và đồng cảm với các văn sĩ xưa.

3.3. Tên gọi các loại rượu thể hiện ước vọng tốt đẹp của người Trung Quốc

Sự may mắn, tốt lành trong quan niệm của người Trung Quốc có thể tổng kết thành các từ: *quyền lực, phú quý, tiền tài, đoàn tụ, trường thọ, hạnh phúc*. Điều này thể hiện ngay trong cách định danh các loại rượu của Trung Quốc. Đó là việc sử dụng các con chữ hoặc những con vật, cảnh tượng có hàm ý văn hóa rõ nét, thể hiện như sau:

Thứ nhất, người Trung Quốc thích định danh rượu bằng từ chỉ rồng (龙 *long*) hoặc phượng

(凤) - hai linh vật tượng trưng cho sự cát tường, lại là biểu tượng của quyền uy và sự cao quý. Trong văn hóa truyền thống của người Trung Quốc, rồng là con vật thiêng liêng, có năng lực phi phàm và sức mạnh thần kì, là biểu tượng cho quyền lực của hoàng gia. Cùng với rồng, phượng hoàng cũng là loài chim tượng trưng cho sự may mắn, bình an, hạnh phúc. Vì thế nhiều loại rượu của Trung Quốc được định danh bằng từ chỉ rồng, phượng, hoặc những yếu tố liên quan đến chúng như nơi ở, hình dáng, chẳng hạn: 金龙酒 *kim long tửu*, 龙凤酒 *long phượng tửu*, 凤酒 *phượng tửu*, 双凤酒 *song phượng tửu*, 龙泉酒 *long tuyền tửu*, 卧龙酒 *ngọc long tửu*,... Điều này thể hiện sự sùng bái linh vật cũng như tâm lí mong muốn có được cuộc sống may mắn cát tường của người Trung Quốc.

Thứ hai, tên gọi nhiều loại rượu dùng những từ ngữ mang ý nghĩa tốt lành liên quan đến phúc

, lộc, 寿 *thọ*, 喜 *hỉ*, 吉 *cát*, 富 *phú*, 贵 *quý*,... để định danh, như: 金六福酒 *kim lộc phúc tửu*, 万年福酒 *vạn niên phúc tửu*, 红双喜酒 *hồng song hỉ tửu*, 福禄寿喜酒 *phúc lộc thọ hỉ tửu*, 锦绣前程酒 *kim tú tiền trình tửu*,... Những tên gọi này đã gửi gắm mong muốn về cuộc sống sang giàu vui vẻ, thể hiện ước mong bình an vô sự, công thành danh toại của người Trung Quốc.

4. Kết luận

Tên gọi các loại rượu Trung Quốc chủ yếu cấu tạo theo phương thức ghép chính phụ, bao gồm yếu tố chỉ loại và yếu tố khu biệt. Các yếu tố khu biệt rất đa dạng, thể hiện sâu sắc các đặc trưng văn hóa dân tộc của người Trung Quốc. Trong đó, nổi bật lên niềm tự hào về đặc sản vùng miền với những nét ưu việt về nguồn nước, nguồn nguyên liệu và phương thức chế biến rượu.

Ngoài các tên gọi định danh trực tiếp ra, tên gọi các loại rượu Trung Quốc còn sử dụng các từ ngữ hoa mỹ, trừu tượng, thể hiện ước vọng cao đẹp của người Trung Quốc về một cuộc sống an lành, may mắn, phú quý, vinh hoa. Đó là một trong những nét độc đáo trong văn hóa rượu của người Trung Quốc.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHÍNH

1. 杨菊华 (1994), 中华饮食文化, 首都师范大学出版社.
2. 赵守辉 (1991), 汉语与饮食文化, 汉语学习第5期.
3. 侯云章, 王鸿宾, 中国酒典: 酒与中国文化 (1990), 黑龙江人民出版社
4. 朱年、朱迅芳, 酒与文化 (2003), 上海书店出版社.
5. 朱亚军, 商标命名研究 (2003), 上海外语教育出版社.
6. 蒋雁峰, (2004) 中国酒文化研究, 湖南师范大学出版社.